

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2017

V/v: Tranh chấp về hôn nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Minh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Công D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đỗ Thị P trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Trương Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/11/1992. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị P đi xuất khẩu lao động ở Malaysia về nhưng không có tiền nên anh D thường xuyên mắng chửi chị. Đến tháng 06/2012 anh D bỏ đi khỏi nhà không rõ nguyên nhân. Từ đó, đến nay chị P, gia đình, người thân và chính quyền địa phương không có tin tức gì về anh D đang ở đâu làm gì. Chị đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh D để anh D trở về nơi cư trú giải quyết việc ly hôn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị P khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Trương Tân T, sinh ngày 06/02/1996. Cháu T đã đến tuổi trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ triệu tập anh Trương Công D đến Tòa án để viết bản khai nhưng anh D không có mặt, nên không có lời khai của anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trương Công D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định theo điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị P và anh Trương Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến tháng 06/2012 anh D bỏ đi khỏi nơi cư trú không rõ nguyên nhân. Từ đó đến nay chị P, người thân và chính quyền địa phương không có tin tức gì về anh D đang ở đâu, làm gì. Chị P đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh D và được Tòa án chấp nhận. Trong thời gian đăng thông báo tìm kiếm, anh D vẫn không trở về nơi cư trú để giải quyết việc ly hôn. Một thời gian dài vợ chồng không chung sống và quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, giải quyết cho chị P ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Cháu Trương Tân T đã đến tuổi trưởng thành, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị P và anh Trương Công D.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0002252 ngày 06/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Hà Trung
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Hồng